

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: ông Huỳnh Đức Tâm; ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Hồng P, sinh năm 1982.

Đăng ký thường trú: Ấp LQ, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã AT, huyện CL, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp LQ, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chị P có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy K có tổ chức đám cưới vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/3/2007, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh K không chăm lo cho vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K vẫn không sửa đổi, chị và anh K đã ly thân từ năm 2019 đến

nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh K và không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: chị và anh K có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Lê Duy S, sinh ngày 10/3/2009, hiện hai con đang sống chung với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày không có.

Do chị P đi làm thuê ở Bình Dương, điều kiện đi lại khó khăn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: thực hiện đúng và tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: chị P thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh K không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng P về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Duy K, chị P được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị Lê Thị Hồng P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Lê Duy S, sinh ngày 10/3/2009 đến khi cháu T và cháu S đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, chị P có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh K cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị Hồng P trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Duy K. Anh K cư trú tại ấp LQ, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P và anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Lê Thị Hồng P và anh Nguyễn Duy K có tổ chức đám cưới vào năm 2007 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/3/2007, hôn nhân do tự nguyện. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị P cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm, giữa anh chị thường xuyên cãi nhau, anh K không chăm lo cho vợ con. Chị P đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh K vẫn không sửa đổi, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 17/8/2020, bà Cao Thị N là mẹ ruột của anh K sống cùng nhà với anh K trình bày trong quá trình chung sống giữa chị P và anh K tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi cưới anh chị về quê chị P ở Trà Vinh sinh sống được 2- 3 năm rồi quay về nhà bà sống được 1- 2 năm nữa. Do ở địa phương không có công việc làm nên anh chị dẫn theo 02 người con lên Tây Ninh làm việc và sống khoảng 10 năm. Đến năm 2019, anh chị xảy ra mâu thuẫn lục đục, chị P dẫn 02 người con dọn đi nơi khác sống, anh K bị tai nạn giao thông không ai chăm sóc nên chuyển về Thành phố Hồ Chí Minh sống cùng 02 người em ruột, từ đó anh chị đã ly thân cho đến nay. Hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, anh K đi làm ở Thành phố Hồ Chí

Minh cũng thường về thăm nhà và có biết việc chị P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên do bận công việc nên anh K không đến Tòa án được nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị P và anh K là có thật, mặc dù không thống nhất nhau nhưng cả hai không tìm được cách tháo gỡ làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã phân tích, động viên nhưng chị P khẳng định chị không còn tình cảm với anh K nên xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Theo quy định trên thì giữa chị P và anh K đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Đối với anh K, từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải cho anh K nhưng anh vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh. Qua đó cũng thể hiện việc anh K không mong muốn được hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình, có thái độ bỏ mặc. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh K là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị Lê Thị Hồng P và anh Nguyễn Duy K có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Lê Duy S, sinh ngày 10/3/2009. Chị P yêu cầu sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi cháu T và cháu S, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con và anh K cũng không có bất cứ ý kiến phản đối hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Hiện cả hai cháu đang sống chung với chị P có cuộc sống, sinh hoạt ổn định. Hơn nữa, cháu T và cháu S sau khi được hỏi ý kiến thì hai cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của hai cháu về mặt thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T và cháu S cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận để chị P là người trực tiếp nuôi con. Mặc dù tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" nhưng do chị P không có yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, thấy rằng đây là ý kiến hoàn toàn tự nguyện của chị nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị Hồng P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Hồng P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng P đối với bị đơn anh Nguyễn Duy K, cụ thể:

1.1. Về hôn nhân: chị Lê Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 11/6/2007 và Nguyễn Lê Duy S, sinh ngày 10/3/2009 cho chị Lê Thị Hồng P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu S đủ 18 tuổi. Ghi nhận P không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Lê Thị Hồng P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Hồng P phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002351 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã LP, huyện Giồng Trôm;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Yến Nhi